CHI TIẾT DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 24/7/2026 của HĐND phường)

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Trong đó							
			Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi sự nghiệp kinh tế khác	Chi quản lý nhà nước	Chi bảo đảm xã hội
A	**B**	**1=2+...+9**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**
A	**Dự toán giao theo Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 19/12/2025**									
	Tổng cộng	**40,008,000,000**	**10,703,000,000**	**353,000,000**	**135,000,000**	**230,000,000**	**537,000,000**	**890,000,000**	**5,659,000,000**	**21,501,000,000**
1	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	5,987,000,000	44,000,000	-			537,000,000	890,000,000	3,168,000,000	1,348,000,000
2	Phòng Văn hóa - Xã hội	24,712,000,000	1,350,000,000	353,000,000	135,000,000	230,000,000			2,491,000,000	20,153,000,000
3	MN Quang Trung	6,343,000,000	6,343,000,000	-			-	-	-	-
4	MN Trần Hưng Đạo	2,966,000,000	2,966,000,000							
B	**Điều chỉnh tăng (giảm) kinh phí do sắp xếp, tổ chức lại**									
	Tổng cộng	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	(5,987,000,000)	(44,000,000)				(537,000,000)	(890,000,000)	(3,168,000,000)	(1,348,000,000)
2	Phòng Văn hóa - Xã hội	(406,106,384)		(283,426,000)					(122,680,384)	
3	Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường	3,223,637,502					412,362,750	499,574,752	963,700,000	1,348,000,000
4	Phòng Kinh tế	3,169,468,882	44,000,000	283,426,000	-	-	124,637,250	390,425,248	2,326,980,384	-
-	*Phòng Kinh tế*	*1,282,186,982*	*38,000,000*	*283,426,000*					*960,760,982*	
-	*Kinh phí đã chi 6 tháng đầu năm của phòng Kinh tế, Hạ tầng & Đô thị*	*1,615,281,900*					*53,637,250*	*287,425,248*	*1,274,219,402*	
-	*Kinh phí tiết kiệm theo Nghị quyết 135/NQ-CP*	*272,000,000*	*6,000,000*				*71,000,000*	*103,000,000*	*92,000,000*	
5	MN Quang Trung	*2,966,000,000*	2,966,000,000							
6	MN Trần Hưng Đạo	*(2,966,000,000)*	(2,966,000,000)							
C	**Dự toán sau điều chỉnh**									
	Tổng cộng	**40,008,000,000**	**10,703,000,000**	**353,000,000**	**135,000,000**	**230,000,000**	**537,000,000**	**890,000,000**	**5,659,000,000**	**21,501,000,000**
1	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	-	-	-	-	-	-	-	-	-

2	Phòng Văn hóa - Xã hội	24,305,893,616	1,350,000,000	69,574,000	135,000,000	230,000,000	-	-	2,368,319,616	20,153,000,000
3	Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường	3,223,637,502	-	-	-	-	412,362,750	499,574,752	963,700,000	1,348,000,000
4	Phòng Kinh tế	3,169,468,882	44,000,000	283,426,000	-	-	124,637,250	390,425,248	2,326,980,384	-
5	MN Quang Trung	9,309,000,000	9,309,000,000	-	-	-	-	-	-	-
6	MN Trần Hưng Đạo	-	-	-	-	-	-	-	-	-